

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2018/HC-ST
Ngày: 22/10/2018
V/v khiếu kiện Quyết định giải
quyết khiếu nại số 751/QĐ-
UBND ngày 25/5/2016 của
UBND huyện Hoa Lư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Lâm và ông Đinh Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-HC ngày 13 tháng 3 năm 2018 về khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 751/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện H, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Ngọc Th; địa chỉ: Số nhà M, phố H, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Trung K; địa chỉ: Số nhà S, đường T, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện. (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 4 năm 2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Dương Lê Ước A - Luật sư Công ty luật TNHH N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phòng A, chung cư Viện chiến lược khoa học Bộ công an, đường Nguyễn Chánh, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H; địa chỉ: Phố Th, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Quốc H – Phó chủ tịch UBND huyện H là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2016 và Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 10 năm 2018)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã N; địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 7 năm 2018)

- Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Số nhà M, đường L, phố V, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị L; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Phạm Văn V; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị H1; địa chỉ: Số nhà M, ngõ H, đường Ph, phố N, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị H2; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị L2; địa chỉ: Tổ M, phố Ng, xã Tr, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Ông Phạm Văn H3; địa chỉ: Số nhà S, phố Th, thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Phạm Thị L3; địa chỉ: Thôn Nh, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn D).

- Chị Phạm Thị M; địa chỉ: Ngõ T đường Ng, phố Ph, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn D).

- Chị Phạm Thị B; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn D).

- Anh Phạm Ngọc Tr; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn D).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2016, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện là ông Phạm Ngọc Th và người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Trung K trình bày:

Ông Th sinh ra và lớn lên tại thôn Xóm Đ, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình nên biết được mốc giới đất của ông cha sử dụng từ trước năm 1945 cho đến nay. Từ năm 2007 - 2015 ông Th đã có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, UBND huyện H cung cấp tài liệu và giải quyết về vị trí, trả lại diện tích của 3 thửa đất (149, 150, 154 tờ bản đồ số 5 xã N lập năm 1986) có nguồn gốc của ông cha để lại theo bản đồ gốc năm 1986, cụ thể:

- Thửa đất số 150 (ông Th đã xây nhà thờ) có nguồn gốc là của ông Phạm Văn L4, theo bản đồ năm 1986 có diện tích là 260 m². Ông L4 để lại thửa đất cho con trai là ông Phạm Văn L5 sử dụng. Ông L5 bán cho bà Phạm Thị H2 (là em ruột ông Th). Bà H2 bán thửa đất lại cho Th vào tháng 8/2007 có giấy tờ và có hợp đồng chuyển nhượng là 260 m², nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cấp cho ông Th chỉ ghi diện tích 205 m². Ông Th đã khiếu nại nhưng cán bộ địa chính là ông M nói cứ yên tâm vì mốc giới vẫn còn. Sau đó, bản đồ địa chính lập năm 2009 mảnh đất này có số thửa là 545, diện tích 211,3 m², so với bản đồ năm 1986 thiếu 48,7 m².

- Thửa đất ao số 149 (vị trí trước cửa nhà thờ do ông Th xây, ao tâm linh) bản đồ năm 1986 có diện tích 560 m², nhưng bản đồ địa chính lập năm 2009 là thửa 541, diện tích 261,5 m², so với bản đồ năm 1986 thiếu 298,5 m². UBND huyện H cho rằng đất này của bà H được thừa kế của ông L6 là không đúng.

- Thửa đất ao số 154 (vị trí giáp nhà ông V) theo bản đồ năm 1986 có diện tích 460 m², nhưng bản đồ địa chính xã N lập năm 2009 là thửa 539 có diện tích 335,7 m², so với bản đồ năm 1986 thiếu 124,3m².

Ông Th cho rằng bản đồ năm 1986 không có đường đi chung giữa 3 thửa đất này, nhưng bản đồ năm 2009 có đường đi chung (từ thửa đất gia đình ông Th xây nhà thờ vào nhà ông V, ông H, ông D) nên làm mất đất của gia đình ông.

Ủy ban nhân dân xã N đã trả lời ông Th: Yêu cầu chỉnh sửa trả lại diện tích của 3 thửa đất như bản đồ năm 1986 là vượt quá thẩm quyền.

Ngày 07/01/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H có văn bản số 01/TNMT trả lời ông về 3 thửa đất. Không đồng ý với văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường vì trả lời không đúng, ngày 03/02/2016 ông Th đã làm đơn khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện H giải quyết.

Ngày 25/5/2016 UBND huyện H ban hành Quyết định số 751/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th, quyết định có nội dung:

+ Đối với thửa đất ông Th xây nhà thờ: Nguồn gốc do ông Th nhận chuyển nhượng từ em gái là bà H2 năm 2007, hồ sơ chuyển nhượng thể hiện diện tích là 205 m², nên UBND đã công nhận quyền sử dụng và cấp GCNQSDĐ cho ông Th 205 m² là đúng. Việc ông Th đòi công nhận quyền sử dụng đất theo diện tích 260 m² như bản đồ xã N lập năm 1986 là không có cơ sở giải quyết.

+ Đối với thửa đất ao đối diện thửa đất ông Th đã xây nhà thờ: Hồ sơ địa chính quản lý đất đai thể hiện chủ sử dụng là bà H con gái ông L6; Ông Th không có quyền sử dụng thửa đất ao này. Ông Th nêu ý kiến về diện tích và quyền sử dụng đối với thửa đất là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

+ Đối với thửa đất ao giáp nhà ông V: Vị trí, diện tích thửa đất ao nêu trên là đất nông nghiệp do UBND xã N quản lý, không phải là đất ao cùng thửa đất thổ cư, cũng không phải diện tích đất nông nghiệp được giao theo Quyết định 313 của

hộ gia đình ông L (bố ông Th) trước đây; đến khi kiểm tra lập bản đồ hiện trạng xã N năm 1996 mới ghi trên bản đồ người sử dụng thực tế đất ao của tập thể là ông Phạm Văn L, năm 2009 lập bản đồ hiện trạng hiện trạng sử dụng đất ghi tên ông Th. Đối với phần này, UBND xã N và gia đình ông Th phải căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước để thực hiện quản lý sử dụng thửa đất nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

+ Phòng tài nguyên môi trường huyện H xem xét trả lời nội dung đề nghị của ông Phạm Ngọc Th tại văn bản số 01/TNMT ngày 07/01/2016 là đúng quy định của pháp luật.

+ Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th. Giữ nguyên văn bản số 01/TNMT ngày 07/01/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H.

Ông Th không nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại với các lý do: Ban hành trái thẩm quyền, Chủ tịch UBND huyện H không tiến hành giải quyết khiếu nại theo quy định mà lại giao Phó chủ tịch giải quyết; việc giải quyết vi phạm thời hạn, thủ tục, không khách quan, công khai dân chủ. Ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình:

- Hủy quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên (tổng số tiền 1.494.495.000 đồng, UBND huyện H phải công khai xin lỗi bằng văn bản và trên Truyền hình Ninh Bình 3 ngày liên tiếp mỗi ngày 1 lần vào buổi 19 giờ, Báo Ninh Bình đăng 3 số liên tiếp mỗi tuần 1 lần).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 06/9/2018 và tại phiên tòa ông Th, người đại diện theo ủy quyền rút yêu cầu: “Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên” để khởi kiện trong một vụ án khác. Yêu cầu khởi kiện còn lại đề nghị Tòa án giải quyết là:

- Hủy quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Tại các văn bản ghi ý kiến của người bị kiện về yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện - UBND huyện H trình bày:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật khiếu nại năm 2011, Thông tư số 07/2013 của Thanh tra Chính phủ và đơn khiếu nại của ông Phạm Ngọc Thuận đối với văn bản số 01/TNMT ngày 07/01/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện tiến hành giải quyết khiếu nại của ông Th theo quy định. Khi tổ chức đối thoại ông Th không nhất trí, UBND huyện đã giao cho các phòng ban chuyên môn xác minh lại một lần nữa (thời gian xác minh từ ngày 19/5/2016 đến 25/5/2016). Căn cứ kết quả xác minh, Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th.

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết, UBND huyện H không nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện và giữ nguyên Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 với các lý do:

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011, Thông tư số 07/2013 của Thanh tra Chính phủ. Người ký quyết định đã được ủy quyền bằng văn bản (Thông báo số 61/TB-UBND ngày 01/8/2016 của UBND huyện H, về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó chủ tịch ..., nhiệm kỳ 2016 - 2021); Tuy nhiên, có sai sót về thể thức văn bản nhưng không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ việc, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th.

Về nội dung quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo chính xác, khách quan các nội dung khiếu nại được xem xét kết luận đầy đủ, đúng quy định trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, phân tích hồ sơ quản lý đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người khiếu nại cung cấp (tại thời điểm giải quyết).

Về yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên là không có cơ sở, vì UBND huyện H đã giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Tại Văn bản số 21/CVTL ngày 18/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND xã N trình bày:

Quá trình giải quyết liên quan đến 3 thửa đất ông Phạm Ngọc Th nêu trong đơn khởi kiện, UBND xã N đã căn cứ vào sổ mục kê và bản đồ qua các thời kỳ (1986; 1996; 2009) để giải quyết. Hiện tại, các hộ liền kề với 3 thửa đất nêu trên đều sử dụng ổn định và tôn trọng bản đồ năm 2009, vì nó phù hợp với thực tế, đảm bảo sinh hoạt trên nguyên tắc đường vào phải có lối ra, bảo đảm xây dựng giao thông theo tiêu chí nông thôn mới. Đề nghị Tòa án xem xét toàn diện hồ sơ đất đai qua các thời kỳ, tính pháp lý của hồ sơ do các bên cung cấp, đặc biệt lưu ý đến giấy CNQSDĐ tạm thời, giải quyết đảm bảo ổn định đời sống sinh hoạt, đoàn kết, chia sẻ các hộ liền kề.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: Theo tờ bản đồ số 5 lập năm 1979 và 1986, thửa đất ao số 149 có diện tích 560m² do HTX Liên Thành quản lý. Theo tờ bản đồ số 23 năm 1996 thửa đất ao nêu trên tách làm 2 thửa, gồm thửa số 138 đứng tên ông Phạm Văn L7 có diện tích 280m², thửa 139 đứng tên bà Phạm Thị L1 có diện tích 410m². Đến năm 2009 tách thành 3 thửa gồm: Thửa 541 đứng tên tôi Phạm Thị H có diện tích 261,5m² (có giấy tờ của ông Phạm Văn L6 ủy quyền lại được chính quyền địa phương xác nhận), thửa 540 đứng tên Phạm Thị L1 có diện tích 480,9m², thửa 542 đứng tên Phạm Văn V có diện tích 40,6m². Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L1 trình bày:

Đối với thửa đất ao trước cửa nhà thờ là của tổ tiên để lại sau đó nhập vào Hợp tác xã; khi Nhà nước trả lại thì đứng tên ông L4 có diện tích là 560m². Khoảng năm 1996 thửa đất này được tách ra làm 2 phần đứng tên ông L7 (ông L7 là anh ông L) và bà L2, đến năm 2009 thì được tách ra làm 3 thửa gồm các thửa: đứng tên bà H (bà H là con gái ông L6, ông L6 là anh chú bác với ông L), tôi (L1) và ông V. Diện tích đất tôi đang sử dụng có nguồn gốc là tôi mua của ông Phạm Văn L4 và một phần bờ ao của bà Phạm Thị H cho và tôi sử dụng từ đó cho đến nay không có tranh chấp, đối với thửa đất này (thửa đất đang đứng tên bà L1, bà H và ông V) ông Th không có quyền gì.

Đối với thửa đất ao giáp nhà tôi có nguồn gốc là ao của Hợp tác xã, sau năm 1986 bố tôi (L) đã xin để làm nhà cho các con, năm 1987 bố tôi cho ông V 190m², phần diện tích còn lại bố tôi chưa cho ai nhưng bản đồ năm 2009 đứng tên ông Th nhưng thực tế ao này không ai sử dụng mà đang để không. Bà L1 xác định ông Th yêu cầu UBND huyện H chỉnh sửa lại diện tích của hai thửa ao nêu trên về đúng với diện tích theo bản đồ năm 1986 là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết yêu cầu của ông Th theo quy định của pháp luật và giải quyết như bản án sơ thẩm lần 1 của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn V trình bày:

Đối với thửa đất ao trước cửa nhà thờ (thửa 149 tờ bản đồ số 5 năm 1986) nguồn gốc là của tổ tiên để lại và nhập vào Hợp tác xã, sau đó là Nhà nước trả lại đứng tên ông L4 có diện tích là 560m², vào khoảng năm 1996 thửa đất này được tách ra làm 2 phần đứng tên ông L7 và bà L1; đến năm 2009 thì được tách ra làm 3 thửa gồm các thửa: đứng tên bà H, bà L1 và tôi. Diện tích đất tôi đang sử dụng có nguồn gốc là vào khoảng năm 1997 ông Phạm Văn U (con trai trưởng ông L7) cho tôi 90 m² (cho trước khi đứng tên bà H) và tôi sử dụng từ đó cho đến nay không có

tranh chấp, đối với thửa đất đứng tên tôi, bà H và bà L1 thì ông Th không có quyền gì.

Đối với thửa đất ao giáp nhà tôi (thửa 154 tờ bản đồ số 5 năm 1986) có nguồn gốc là ao của Hợp tác xã có diện tích là 460m², vào khoảng năm 1986 bố tôi (L) đã xin để làm nhà cho các con, năm 1987 bố tôi cho tôi 190 m², phần diện tích còn lại bố tôi chưa cho ai nhưng bản đồ năm 2009 đứng tên ông Th nhưng thực tế ao này không ai sử dụng mà đang để không. Ông V xác định ông Th yêu cầu UBND huyện H chỉnh sửa lại diện tích của hai thửa ao nêu trên về đúng với diện tích theo bản đồ năm 1986 là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết yêu cầu của ông Th theo quy định của pháp luật và giải quyết như bản án sơ thẩm lần 1 của Tòa án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2017/HC-ST ngày 15/5/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã xác định: Người khởi kiện là ông Phạm Ngọc Th người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện H và quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc Th. Giữ nguyên quyết định hành chính số: 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện H.

2. Ông Th phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, ông Th đã kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số: 352/2017/HC-PT ngày 19/12/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định: Người khởi kiện là ông Phạm Ngọc Th, người bị kiện là UBND huyện H và quyết định:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Ngọc Th. Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết sơ thẩm lại.

2. Ông Phạm Ngọc Th không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Th 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện xác định Quyết định số 751/QĐ – UBND ngày 25/5/2016 của UBND huyện H giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th đã vi phạm về thời hạn, thẩm quyền, hình thức theo quy định của Luật khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; về nội dung giải quyết khiếu nại không căn cứ vào điều luật nào để giải quyết. Đề nghị Hủy quyết định số 751/QĐ – UBND ngày 25/5/2016 của UBND huyện H. Buộc chủ tịch UBND huyện H giải quyết khiếu nại của ông Th theo đúng quy định của Luật khiếu nại.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, người bị kiện sẽ tôn trọng và chấp hành sự phán quyết của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, bà L1 và người đại diện hợp pháp của UBND xã N đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật và tình hình thực tế của gia đình và địa phương để ra bản án hợp tình, hợp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn, lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn mở phiên tòa đúng theo trình tự thủ tục quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và giải quyết các yêu cầu của đương sự đúng quy định tại quy định tại các điều 169, 171, 172, 175 đến 179, Điều 182, 186, 188 của Luật tố tụng hành chính.

Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người đại diện theo ủy quyền, người làm chứng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quyết định số 751/QĐ – UBND ngày 25/5/2016 của UBND huyện H giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th đã vi phạm về thời hạn, thẩm quyền, hình thức và nội dung giải quyết khiếu nại.

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 điều 193, khoản 1 điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Phép lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc Th. Hủy quyết định số 751/QĐ – UBND ngày 25/5/2016 của UBND huyện H. Buộc chủ tịch UBND huyện H giải quyết khiếu nại của ông Th theo đúng quy định của Luật khiếu nại.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu *“Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên”* của ông Phạm Ngọc Th.

- Về án phí: Ông Th không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. UBND huyện H phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện: Ông Phạm Ngọc Th khiếu kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H (gọi tắt là Quyết định số 751/QĐ-UBND); buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 7, Điều 30, Điều 32 và các Điều 115 của Luật tổ tụng hành chính, thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Ông Th đã thực hiện quyền khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Ngày 03/02/2016 ông Phạm Ngọc Th có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện H, khiếu nại văn bản số 01/TNMT ngày 07/01/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (gọi tắt là văn bản số 01/TNMT), ông Th đã thực hiện đúng các quy định của Luật khiếu nại. Theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại, yêu cầu khiếu nại của ông Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện. Quyết số 751/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết khiếu nại là không đúng thẩm quyền.

[3] Về hình thức của quyết định: Theo quy định, trong phần đầu và phần cuối của quyết định giải quyết khiếu nại phải ghi chức danh của người giải quyết khiếu nại là “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H” nhưng vì giải quyết sai thẩm quyền nên đã ghi “Ủy ban nhân dân huyện H” là không đúng theo mẫu số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.

[4] Về trình tự thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại: Tính từ ngày ông Th có đơn khiếu nại (ngày 03/02/2016) đến khi ban hành Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 là quá thời hạn, vi phạm thời hạn thụ lý, giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 27, Điều 28 của Luật khiếu nại.

[5] Về nội dung Quyết định số 751/QĐ-UBND:

[5.1] Theo quy định của Luật đất đai, Luật tổ chức chính quyền địa phương thì Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện H và không có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu của ông Th. Nhưng Điều 1 của Quyết định số 751/QĐ-UBND giữ nguyên văn bản số 01/TNMT là không có căn cứ, không đúng.

[5.2] Đối với thửa đất ông Th đã xây nhà thờ (Thửa 150, tờ bản đồ số 5 năm 1986):

Tại tờ bản đồ số 5 năm 1979 và 1986 và sổ mục kê đều là thửa số 150 có diện tích 260m², đến bản đồ tờ số 23 năm 1996 là thửa 143, diện tích 205 m²; tờ

bản đồ số 7 năm 2009 là thửa 545, diện tích 211,3 m². Theo bản đồ và sổ mục kê qua các thời kỳ thì diện tích thửa đất có sự thay đổi, biến động nhưng không có tài liệu chứng minh lý do tại sao lại có sự biến động.

Xét về việc chuyển nhượng đất: Qua xem xét các tài liệu cần thiết để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) do UBND huyện H và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H cung cấp gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Th và bà H2 đã ký kết, có lời chứng của “Chủ tịch” Ủy ban nhân dân xã N ngày 09/8/2007, Tờ trình ngày 09/8/2007 của UBND xã N, sơ đồ hiện trạng diện tích nhà đất lập ngày 09/8/2007, tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất ngày 14/8/2007 của bà H2, tờ khai thuế chuyển quyền sử dụng đất ngày 14/9/2007 của ông Th, Quyết định miễn giảm thuế chuyển quyền sử dụng đất ngày 17/9/2007 của Chi cục thuế huyện H đều thể hiện diện tích chuyển nhượng giữa bà H2 và ông Th là 205m². Diện tích trong các giấy tờ nêu trên phù hợp với diện tích ghi trong các tài liệu có hiệu lực tại thời điểm giao dịch là bản đồ, sổ mục kê năm 1996 (tờ số 23, thửa 143, diện tích 205 m²), phù hợp với ý kiến của bà H2 trong buổi làm việc ngày 21/4/2016 với UBND xã N và Thanh tra huyện H. Căn cứ các tài liệu nêu trên có thể xác định GCNQSDĐ số AC520164 ngày 21/9/2007 của UBND huyện H cấp cho ông Th được quyền sử dụng 205m² đất ở tại thửa số 143, tờ bản đồ số 23 là đúng theo quy định tại Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003.

Tuy nhiên, theo bản sao “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa ông Th và bà H2 đã ký kết, có lời chứng của “Phó chủ tịch” UBND xã N ngày 09/8/2007 do ông Th giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án thì diện tích chuyển nhượng là 260 m². Trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND huyện H và các Phòng chuyên môn chưa thu thập, xem xét, đánh giá tính hợp pháp của bản hợp đồng nêu trên là chưa xác minh, thu thập đầy đủ, chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ; chưa thực hiện hết các quyền được quy định tại Điều 14, 15 Luật khiếu nại.

[5.3] Đối với thửa đất ao giáp với thửa đất ở của gia đình ông V (thửa số 154, tờ bản đồ số 5 năm 1986):

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1986 thửa đất ao có diện tích 460 m² chủ sử dụng là HTX Liên Thành; Tờ bản đồ số 23 năm 1996 và sổ mục kê là thửa 173 có diện tích 330m² đứng tên ông L (bố ông Th) và đến tờ bản đồ số 7 năm 2009 và sổ mục kê là thửa 539 có diện tích 335,7 m² đứng tên ông Th. Ngoài các tờ bản đồ và sổ mục kê nêu trên thì ông Thuận và UBND huyện H không cung cấp được lý do tại sao lại có sự biến động về diện tích cũng như chủ sử dụng. Căn cứ vào tờ bản đồ số 7 và sổ mục kê năm 2009, ông Th là người đứng tên chủ sử dụng thửa đất ao số 539, diện tích 335,7 m². Theo quy định tại Điều 99, 100 Luật đất đai năm 2013 thì ông Th đủ điều kiện được xem xét chứng nhận, cấp GCNQSDĐ. Trong văn bản số 01/TNMT và Quyết số 751/QĐ-UBND không thể hiện rõ quan điểm ông Th có

quyền được sử dụng thửa đất ao này hay không, được quyền sử dụng diện tích là bao nhiêu để ông Th biết và thực hiện các quyền của mình là chưa cụ thể, thấu đáo và chưa giải quyết triệt để yêu cầu khiếu nại, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th.

[5.4] Đối với thửa đất ao đôi diện thửa đất ông Th đã xây nhà thờ (Thửa 149 tờ bản đồ số 5, năm 1986):

Hồ sơ địa chính của thửa đất do các đương sự và cơ quan chuyên môn cung cấp thì chỉ có sổ mục kê và bản đồ, ngoài ra không còn giấy tờ tài liệu nào khác. Theo tờ bản đồ số 5 và sổ mục kê năm 1979 mảnh đất ao này là thửa số 149, diện tích 560 m² đứng tên Hợp tác xã; Theo tờ bản đồ số 5 và sổ mục kê năm 1986 mảnh đất ao này là thửa số 149, diện tích 560 m² đứng tên ông L4; theo tờ bản đồ số 23 năm 1996 thửa đất ao nêu trên tách làm 2 thửa gồm: Thửa số 138 đứng tên ông Phạm Văn L7, thửa 139 đứng tên bà Phạm Thị L1; theo tờ bản đồ số 7 năm 2009 tách thành 3 thửa gồm: Thửa 541 đứng tên bà H, thửa 540 đứng tên bà L1, thửa 542 đứng tên ông V. Theo như bản đồ và sổ mục kê qua các thời kỳ nêu trên thì ông L (bố ông Th) và ông Th không có tên chủ sử dụng của thửa đất ao này.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Th đã cung cấp Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 115 ngày 30/12/2009 của UBND huyện H, để chứng minh ông có quyền đối với thửa đất ao nêu trên. (Nội dung chứng nhận ông Phạm Ngọc L được tiếp tục sử dụng lâu dài 365 m² ruộng đất tại xóm Đ, số thửa 128, tờ bản đồ 23, ghi chú nhà thờ). Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất là của UBND huyện H cấp, trong quá trình giải quyết khiếu nại các Phòng chuyên môn và UBND huyện Hoa Lư chưa xem xét nội dung, đối chiếu với thực tế và các tài liệu khác, đánh giá tính hợp pháp của giấy chứng nhận để ra quyết định là chưa khách quan, toàn diện.

[5.5] Trên cơ sở nhận định nêu trên, để đảm bảo khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th phải được người có thẩm quyền là Chủ tịch UBND huyện H xem xét giải quyết theo đúng trình tự được quy định tại các Điều 14, 18, 27 28, 29, 30, 31 của Luật khiếu nại, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Ngọc Th theo quy định của pháp luật về đất đai. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc Th, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th theo quy định của Luật khiếu nại.

[6] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 06/9/2018, tại phiên tòa người khởi kiện đã rút yêu cầu: *“Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên”*. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 173 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu *“Buộc Chủ*

tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên” của ông Phạm Ngọc Th.

[7] Xét ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Th theo như bản án sơ thẩm lần thứ nhất của bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn V là không có căn cứ.

[8] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ để xem xét quyết định.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc Th được chấp nhận nên ông Th không phải nộp án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. UBND huyện H phải nộp án phí theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 3, 30, 32, khoản 2 Điều 173, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, 348 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ các Điều 14, 18, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật khiếu nại; Điều 204 của Luật đất đai năm 2013; Điều 29 của Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc Th, tuyên hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 751/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc Th theo quy định của Luật khiếu nại.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu “*Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải đền bù kinh tế, tinh thần, danh dự do ban hành quyết định trái pháp luật gây nên*” của ông Phạm Ngọc Th.

3. Về án phí: Buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Ngọc Th 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số AA/2010/04383 ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án (22/10/2018), người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tử Lượng

